

Số: /BC-BCĐ

Ninh Bình, ngày tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO

Phân tích, đánh giá kết quả xếp hạng Chỉ số chuyên đổi số (DTI) năm 2022 của tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-BTTTT, ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyên đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”; Kết quả công bố Bộ Chỉ số đánh giá chuyên đổi số (DTI) của các bộ, tỉnh năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Ban chỉ đạo Chuyên đổi số của tỉnh báo cáo phân tích, đánh giá kết quả Chỉ số đánh giá chuyên đổi số (DTI) năm 2022 của tỉnh Ninh Bình, cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT CẤU TRÚC BỘ CHỈ SỐ DTI CẤP TỈNH

Căn cứ theo tiêu mục 1 Mục II Điều 1 Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ TT&TT, chỉ số chuyên đổi số (DTI) cấp tỉnh được cấu trúc theo 03 trụ cột (pillar) là chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, bao gồm Thông tin chung (để cung cấp các thông tin tổng quan về tỉnh nhưng không dùng để đánh giá) và 09 Chỉ số đánh giá chính với 98 chỉ số thành phần (CSTP).

09 chỉ số chính được phân thành nhóm 02 nhóm: Nhóm chỉ số nền tảng chung và nhóm chỉ số về hoạt động.

- Nhóm chỉ số nền tảng chung gồm 06 chỉ số chính. **Thang điểm: 500đ**

(1) Nhận thức số (gồm 10 CSTP). **Thang điểm: 100đ**

(2) Thể chế số (gồm 11 CSTP). **Thang điểm: 100đ**

(3) Hạ tầng số (gồm 7 CSTP). **Thang điểm: 100đ**

(4) Nhân lực số (gồm 13 CSTP). **Thang điểm: 100đ**

(5) An toàn thông tin mạng (gồm 12 CSTP). **Thang điểm: 100đ**

(6) Đô thị thông minh (gồm 3 CTTP) *Chỉ để tham khảo, không đánh giá.*

- Nhóm chỉ số về hoạt động gồm 03 chỉ số chính. **Thang điểm: 500đ**

(1) Hoạt động chính quyền số (gồm 12 CSTP). **Thang điểm: 200đ**

(2) Hoạt động kinh tế số (gồm 22 CSTP). **Thang điểm: 150đ**

(3) Hoạt động xã hội số (gồm 8 CSTP). **Thang điểm: 150đ**

- Trụ cột chính quyền số: Gồm 06 chỉ số chính thuộc nhóm chỉ số nền tảng chung và chỉ số Hoạt động chính quyền số. **Thang điểm đánh giá: 700đ**

- Trụ cột kinh tế số: Gồm 06 chỉ số chính thuộc nhóm chỉ số nền tảng chung và chỉ số Hoạt động kinh tế số. **Thang điểm đánh giá: 650đ**

- Trụ cột xã hội số: Gồm 06 chỉ số chính thuộc nhóm chỉ số nền tảng chung và chỉ số Hoạt động xã hội số. **Thang điểm đánh giá: 650đ.**

- * Về cung cấp số liệu, dữ liệu phục vụ đánh giá DTI cấp tỉnh năm 2022:
- Thời kỳ số liệu: Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022.
 - Thời hạn hoàn thành cung cấp số liệu, dữ liệu: 28/02/2023.
 - Thời gian Bộ TTTT đánh giá, thẩm định số liệu: từ 01/3 đến 07/5/2023.
 - Thời gian các Bộ, ngành, địa phương giải trình: 08/5 đến 28/5/2023.
 - Thời gian Bộ TTTT thẩm định lại số liệu, tài liệu: 29/5 đến 12/6/2023.
 - Công bố kết quả đánh giá, xếp hạng DTI: Từ 15/6 đến 30/6/2023.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHỈ SỐ DTI NĂM 2022

1. Kết quả đánh giá, xếp hạng DTI theo 03 trụ cột và các chỉ số chính

1.1. Kết quả đánh giá, xếp hạng DTI tỉnh Ninh Bình qua 03 trụ cột: Chính quyền số; kinh tế số và xã hội số năm 2022

Năm	Điểm DTI	Xếp hạng DTI	Chính quyền số		Kinh tế số		Xã hội số	
			Điểm	X.hạng	Điểm	X.hạng	Điểm	X.hạng
2021	0,5064	6	0,5702	5	0,5239	8	0,5323	5
2022	0,6214	21	0,7330	11	0,6651	26	0,6145	18
So sánh	+ 0,115	-15	+0,1628	-6	+0,1412	-18	+0,0822	-13

Bảng 1: Giá trị chỉ số DTI và chỉ số đánh giá 03 trụ cột chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình năm 2021 và 2022

Năm 2022 giá trị chỉ số DTI tỉnh Ninh Bình đạt 0,6214 điểm, tăng 0,0115 điểm so với năm 2021, xếp hạng đứng thứ 21/63 tỉnh/TP, giảm 15 bậc so với năm 2021.

Giá trị xếp hạng DTI tỉnh Ninh Bình năm 2022 cao hơn 0,049 điểm so với điểm trung bình toàn quốc (0,5724 điểm), thấp hơn 0,1788 điểm so với địa phương đứng thứ nhất cả nước là TP Đà Nẵng (0,8002 điểm) và thấp hơn 0,081 điểm so với địa phương đứng thứ nhất vùng ĐBSH là tỉnh Quảng Ninh (0,7024 điểm).

Qua so sánh cho thấy, giá trị chỉ số DTI và chỉ số chuyển đổi số ở 03 trụ cột: Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số của tỉnh năm 2022 đều tăng so với năm 2021. Tuy nhiên thứ hạng chỉ số DTI và thứ hạng 03 trụ cột chuyển đổi số của tỉnh đều giảm mạnh so với năm 2021 (Trong đó, xếp hạng chỉ số DTI giảm 15 bậc; Chính quyền số giảm 6 bậc, kinh tế số giảm 18 bậc và xã hội số giảm 13 bậc).

Bảng 2: So sánh xếp hạng chỉ số DTI các tỉnh vùng ĐBSH năm 2021- 2022:

Tỉnh/TP	Quảng Ninh	Bắc Ninh	Nam Định	Hải Dương	TP.Hải Phòng	Vĩnh Phúc	Ninh Bình	TP. Hà Nội	Hưng Yên	Hà Nam	Thái Bình
XH DTI 2021	7	4	11	14	16	12	6	40	35	28	45
XH DTI 2022	3	7	10	13	14	18	21	24	33	34	56
So sánh	+4	-3	+1	+1	+2	-6	-15	+16	+2	-6	-11

Kết quả đánh giá, xếp hạng DTI phản ánh chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình năm 2022 tiếp tục có bước phát triển trên cả 3 trụ cột và đạt được một số thành tựu nhất định, tuy nhiên tốc độ phát triển còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu nhất là ở trụ cột kinh tế số và xã hội số trong khi các địa phương trên cả nước có tốc độ phát triển nhanh hơn (Quảng Ngãi, tăng 34 bậc). Vì vậy, dù giá trị điểm số tăng nhưng xếp hạng DTI của tỉnh lại giảm sâu và thuộc nhóm 4 tỉnh giảm trên 10 bậc so với năm 2021 (Đồng Nai và Hà Giang, giảm 24 bậc, Bắc Kạn giảm 12 bậc). Ninh Bình là địa phương có sự tụt giảm về thứ hạng mạnh nhất về thứ hạng chỉ số DTI qua 02 năm 2022, 2021 (giảm 15 bậc) trong 11 tỉnh/TP vùng Đồng bằng Sông hồng.

1.2. Kết quả đánh giá, xếp hạng DTI của tỉnh qua các chỉ số chính

* Kết quả đánh giá, xếp hạng DTI và các chỉ số chính năm 2022

Bảng 3: Giá trị DTI và các chỉ số chính tỉnh Ninh Bình và các tỉnh vùng ĐBSH năm 2022

Xếp hạng DTI	Tỉnh/Thành phố	Nhận thức số	Thế chế số	Hạ tầng số	Nhân lực số	ATTT mạng	Hoạt động CQS	Hoạt động KTX	Hoạt động XHS	DTI năm 2022
3	Quảng Ninh	0,9581	0,9	0,7648	0,625	0,5382	0,8385	0,5904	0,4505	0,7024
7	Bắc Ninh	0,8417	0,9	0,7002	0,6458	0,6384	0,7193	0,7286	0,319	0,6736
10	Nam Định	0,9500	0,8	0,5684	0,6593	0,4961	0,6911	0,6581	0,3648	0,639
13	Hải Dương	0,9417	0,7	0,7257	0,619	0,2614	0,7271	0,7499	0,3711	0,6383
14	TP. Hải Phòng	0,9077	0,9	0,5756	0,6465	0,362	0,6481	0,7469	0,3623	0,6352
18	Vĩnh Phúc	0,9917	0,9	0,4861	0,5752	0,5816	0,6418	0,7594	0,2555	0,6341
21	Ninh Bình	1,0000	0,9	0,7037	0,5048	0,5083	0,7571	0,4707	0,2515	0,6214
24	TP. Hà Nội	0,8500	0,6	0,6677	0,6361	0,5307	0,562	0,7615	0,3648	0,6098
33	Hưng Yên	0,7184	0,9	0,5713	0,6091	0,4934	0,5751	0,5411	0,3329	0,5753
34	Hà Nam	0,9250	0,8	0,5157	0,7768	0,4136	0,4703	0,6328	0,2812	0,5743
56	Thái Bình	0,8667	0,8	0,4579	0,3044	0,2511	0,5544	0,4803	0,1901	0,4794

Bảng 4: Xếp hạng DTI và các chỉ số chính tỉnh Ninh Bình và các tỉnh vùng ĐBSH năm 2022

Xếp hạng DTI	Tỉnh/Thành phố	Nhận thức số	Thế chế số	Hạ tầng số	Nhân lực số	ATTT mạng	Hoạt động CQS	Hoạt động KTX	Hoạt động XHS
3	Quảng Ninh	15	1	4	26	21	3	22	2
7	Bắc Ninh	50	1	15	20	4	16	9	16
10	Nam Định	16	15	42	15	36	17	12	6
13	Hải Dương	20	35	12	27	58	15	7	4
14	TP. Hải Phòng	29	1	39	19	52	24	8	8
18	Vĩnh Phúc	11	1	56	40	12	26	5	43
21	Ninh Bình	1	1	14	52	30	7	53	44
24	TP. Hà Nội	49	52	22	22	23	42	3	6
33	Hưng Yên	60	1	40	30	38	41	30	12
34	Hà Nam	27	15	53	2	49	52	14	30
56	Thái Bình	44	15	60	62	59	43	50	57

Qua bảng số liệu cho thấy, năm 2022 tỉnh Ninh Bình đạt thứ hạng cao, nằm trong top đầu cả nước và vùng ĐBSH ở các chỉ số: Nhận thức số (thứ 1/63; 1/11), thể chế số (thứ 1/63; 1/11), hoạt động Chính quyền số (thứ 7/63; 2/11) và Hạ tầng số (14/63; 3/11). Tuy nhiên, có 03 chỉ số chính đạt thứ hạng thấp và rất thấp so cả nước và vùng ĐBSH đó là: Nhân lực số (thứ 52/63; 10/11), hoạt động kinh tế số (thứ 53/63; 11/11) và hoạt động xã hội số (thứ 44/63; 10/11).

Như vậy nguyên nhân chủ yếu làm thứ hạng DTI của tỉnh Ninh Bình có sự tụt giảm mạnh năm 2022, đứng thứ 21/63 tỉnh/TP cả nước và đứng thứ 7/11 tỉnh/TP vùng ĐBSH tập trung chủ yếu vào 03 chỉ số chính: Nhân lực số; kinh tế số; xã hội số.

** So sánh kết quả đánh giá, xếp hạng DTI và các chỉ số chính qua 02 năm 2021 và 2022*

Bảng 5: So sánh giá trị DTI và các chỉ số chính tỉnh Ninh Bình năm 2021 và 2022

Năm	Nhận thức số	Thể chế số	Hạ tầng số	Nhân lực số	ATTT mạng	Hoạt động CQS	Hoạt động KTX	Hoạt động XHS	DTI năm 2022
2021	0,9000	0,6000	0,5338	0,5349	0,3589	0,5368	0,3473	0,3613	0,5064
2022	1,0000	0,9000	0,7037	0,5048	0,5083	0,7571	0,4707	0,2515	0,6214
Tăng/giảm (+/-)	+0,1000	+0,3000	+0,1699	-0,0301	+0,1494	+0,2203	+0,1234	-0,1098	+0,1150

Bảng 6: So sánh xếp hạng DTI và các chỉ số chính tỉnh Ninh Bình năm 2021 và 2022

Xếp hạng DTI	Tỉnh/Thành phố	Nhận thức số	Thể chế số	Hạ tầng số	Nhân lực số	ATTT mạng	Hoạt động CQS	Hoạt động KTX	Hoạt động XHS
6	2021	3	10	18	4	23	15	35	12
21	2022	1	1	14	52	30	7	53	44
-15	Tăng/giảm (+/-)	+2	+9	+4	-38	-7	+8	-18	-32

Qua so sánh cho thấy, 4/8 chỉ số chính năm 2022 tăng cả về giá trị và thứ hạng so với năm 2021. Trong đó, giá trị chỉ số Nhận thức số đạt tuyệt đối 100 điểm, thứ hạng tăng 2 bậc; Thể chế số tăng 30 điểm, thứ hạng tăng 9 bậc; Hoạt động chính quyền số tăng 22,03 điểm, thứ hạng tăng 8 bậc so với năm 2021; Hạ tầng số tăng 169,9 điểm, thứ hạng tăng 4 bậc so với năm 2021.

- 02 chỉ số có giá trị tăng so với năm 2021 nhưng thứ hạng giảm là: An toàn thông tin mạng tăng 149,4 điểm, giảm 7 bậc; hoạt động kinh tế số tăng 123,4 điểm, giảm 18 bậc so với năm 2021.

- 02 chỉ số có giá trị giảm nhẹ nhưng thứ hạng giảm rất sâu so với năm 2021 là: Nhân lực số giảm 30,1 điểm, giảm 38 bậc; hoạt động xã hội số giảm 109,8 điểm, giảm 32 bậc so với năm 2021.

Từ kết quả so sánh, phân tích nêu trên cho thấy, trong năm 2022 công tác chuyển đổi số của tỉnh tiếp tục được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư phát triển và đã đạt một số kết quả tích cực, nổi bật trên các mặt nâng cao nhận thức số,

hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng số và xây dựng, phát triển chính quyền số. Tuy nhiên ở một số lĩnh vực như: Đảm bảo an toàn thông tin, phát triển kinh tế số kết quả đạt được chưa đáp ứng yêu cầu, tốc độ tăng trưởng chậm so với các địa phương trên cả nước. Đặc biệt đối với lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực số và hoạt động xã hội số, kết quả đạt được rất hạn chế, tốc độ tăng trưởng năm 2022 có sự giảm sút, xếp hạng tụt giảm mạnh so với năm 2021, qua đó tác động tiêu cực đến kết quả xếp hạng DTI của tỉnh.

2. Kết quả đánh giá, xếp hạng DTI theo các chỉ số chính và chỉ số thành phần (CSTP)

2.1. Nhận thức số: Đạt 100/100 điểm, xếp hạng 1/63 cả nước, xếp thứ 1/11 vùng ĐBSH. Gồm 10 CSTP, trong đó: 10/10 CSTP đạt điểm tối đa 10/10 điểm.

2.2. Thể chế số: Đạt 100/100 điểm, xếp hạng 1/63 cả nước, xếp thứ 1/11 vùng ĐBSH. Gồm 11 CSTP, trong đó:

- Có 10/11 CSTP đạt điểm tối đa 10/10 điểm.

- Có 1/11 CSTP chưa đạt điểm 0/10 điểm (*CSTP 2.9: Ban hành chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số*).

2.3. Hạ tầng số: Đạt 70,37/100 điểm, xếp hạng 14/63 cả nước, xếp thứ 03/11 vùng ĐBSH. Gồm 07 CSTP, trong đó:

- Có 01/7 CSTP đạt điểm tối đa 10/10 điểm (*CSTP 3.4: Tỷ lệ UBND xã kết nối mạng truyền SLCD*).

- Có 04/7 CSTP đạt điểm ở mức Khá, từ 6,92 đến 9,62/10 điểm (*CSTP 3.1 Tỷ lệ dân số trưởng thành đạt 6,9/10đ; CSTP 3.2 tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh đạt 9,62/10đ; CSTP 3.3 Tỷ lệ hộ gia đình kết nối Internet băng rộng cáp quang đạt 6,92/10đ; CSTP 3.6 Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung đạt 16,9/20đ*).

- Có 02/7 CSTP đạt điểm ở mức Trung bình (*CSTP 3.5: Trung tâm dữ liệu sử dụng công nghệ điện toán đám mây đạt 15/30đ và CSTP 3.7: Mức độ ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng số đạt 5/10đ*).

2.4. Nhân lực số: Đạt 50,48/100 điểm, xếp hạng 52/63 cả nước, xếp thứ 10/11 vùng ĐBSH. Gồm 13 CSTP, trong đó:

- Có 5/13 CSTP đạt điểm tối đa 10/10 điểm (*CSTP 4.1; 4.2; 4.3; 4.4; 4.13: Tổ Công nghệ số cộng đồng được triển khai thành lập đến cấp xã, thôn, xóm; Sở TTTT có chức năng, nhiệm vụ về CDS và có bộ phận, đơn vị thực hiện nhiệm vụ CDS*)

- Có 8/13 CSTP đạt giá trị điểm ở mức thấp và rất thấp: (*CSTP 4.5: Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số đạt 0,46/10đ; CSTP 4.6: Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng đạt 0,58/10đ; CSTP 4.7: Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số đạt 0,63/10đ; CSTP 4.8: Tỷ lệ cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học, sau đại học có đào tạo về chuyển đổi số đạt 1,25/5đ; CSTP 4.9: Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về chuyển đổi số đạt 0,8/5đ; CSTP*

4.10: Tỷ lệ người lao động được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số đạt **0,09/5đ**; CSTP 4.11: Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng OneTouch đạt **0,11/5đ**; CSTP 4.12: Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở) đạt, **1,56/5đ**.

2.5. An toàn thông tin mạng: Đạt 50,83/100 điểm, xếp hạng 30/63 cả nước, xếp thứ 5/11 vùng ĐBSH. Gồm 12 CSTP, trong đó:

- Có 5/12 CSTP đạt giá trị điểm tối đa (CSTP 5.2; 5.5; 5.6; 5.10; 5.11).
- Có 6/12 CSTP đạt giá trị điểm ở mức từ trung bình đến thấp: CSTP 5.1: Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ **đạt 2/10đ**; CSTP 5.3: Số lượng máy chủ của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC) **đạt 4,55/10đ**; CSTP 5.4: Số lượng máy trạm của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC) **đạt 0,28/10đ**; CSTP 5.7: Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đã được kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT **đạt 1,67/10đ**; CSTP 5.9: Số lượng các cuộc diễn tập được triển khai **đạt 0,33/5đ**; CSTP 5.12: Tổng kinh phí chi cho an toàn thông tin (ATTT) **đạt 7/15đ**.

- Có 01/12 CSTP không đạt điểm (0/5đ) là CSTP 5.8: Số lượng các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng.

2.6. Hoạt động chính quyền số: Đạt 151,42/200 điểm, xếp hạng 7/63 cả nước, xếp thứ 2/11 vùng ĐBSH (xếp sau Quảng Ninh). Gồm 22 CSTP, trong đó:

- Có 12 CSTP đạt giá trị điểm tối đa (CSTP 6.1; 6.2; 6.3; 6.4; 6.5; 6.6; 6.8; 6.9; 6.13; 6.15; 6.17; 6.18): Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đáp ứng đầy đủ các chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định; Triển khai Cổng dữ liệu mở, các nền tảng số khác phục vụ tương tác trực tuyến cho người dân; sử dụng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; Tỷ lệ dịch vụ công được cung cấp toàn trình, điện tử thông tin; Triển khai các nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu, họp trực tuyến, giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý NN

- Có 04 CSTP đạt giá trị điểm số ở mức cao: CSTP 6.11: tỷ lệ DVC phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt **8,39/10đ**; CSTP 6.22: Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số đạt **9,87/10đ**; CSTP 6.12: Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến đạt **16,16/20đ**; CSTP 6.14: Mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng DVCTT đạt **4,67/5đ**.

- Có 04 CSTP đạt giá trị điểm số ở mức trung bình, thấp: CSTP 6.7: Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại Tỉnh, thành phố đạt **5,33/10đ**; CSTP 6.19: Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp đạt **5/10đ**; CSTP 6.20: Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức đạt **5/10đ**; CSTP 6.21: Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của chính quyền số đạt **2/10đ**.

- Có 2 CSTP không đạt điểm (0/10đ): CSTP 6.10: *Tỷ lệ DVCTT được cá thể hóa*; CSTP 6.16: *Triển khai nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn Tỉnh, thành phố phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước.*

2.7. Hoạt động kinh tế số: Đạt 70,61/150 điểm, xếp hạng 53/63 cả nước, xếp thứ 11/11 vùng ĐBSH. Gồm 12 CSTP, trong đó:

- Có 02 CSTP đạt giá trị điểm tối đa: CSTP 7.4: *Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số (SMEdx) đạt 10/10đ*; CSTP 7.8: *Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định đạt 10/10đ.*

- Có 03 CSTP đạt giá trị điểm ở mức Trung bình, Khá: CSTP 7.1: *Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt 12,30/20đ*; CSTP 7.5: *Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 7,27/10đ*; CSTP 7.7: *Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt 6,25/10đ.*

- Có 06 CSTP đạt giá trị điểm ở mức Thấp, đến Rất thấp: CSTP 7.2: *Số doanh nghiệp công nghệ số (Số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông – CNTT) đạt 6,76/20đ*; CSTP 7.3: *Số lượng doanh nghiệp nền tảng số đạt 1,56/10đ*; CSTP 7.6: *Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 1,56/10đ*; CSTP 7.9: *Số lượng giao dịch trên sàn thương mại điện tử Vò sò và Postmart đạt 1,65/10đ*; CSTP 7.10: *Số lượng tên miền .vn đạt 1.65/10đ* ; CSTP 7.11: *Tổng kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số đạt 0,09/10đ.*

- Có 01 CSTP không đạt điểm là CSTP 7.12: *Tổng kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số.*

2.8. Hoạt động xã hội số: Đạt 37,72/150 điểm, xếp hạng 44/63 cả nước, xếp thứ 10/11 vùng ĐBSH. Gồm 08 CSTP, trong đó:

- Có 01 CSTP đạt giá trị điểm tối đa: CSTP 8.2: *Số lượng người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 20/20đ.*

- Có 01 CSTP đạt giá trị điểm ở mức Trung bình: CSTP 8.5: *Số lượng người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông đạt 5,21/10đ.*

- Có 05 CSTP đạt giá trị điểm ở mức Thấp, đến Rất thấp: CSTP 8.1: *Số lượng người dân có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử đạt 3,95/20đ*; CSTP 8.3: *Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt 0,39/20đ*; CSTP 8.6: *Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số đạt 0,15/20đ*; CSTP 8.7: *Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số đạt 0,21/20đ*; CSTP 8.8: *Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền đạt 7,82/20đ.*

- Có 01 CSTP không đạt điểm do Bộ TT&TT không đánh giá chung toàn quốc là CSTP 8.4: *Số lượng hộ gia đình có địa chỉ số (trên tổng số hộ gia đình).*

Kết quả đánh giá và xếp hạng các Chỉ số chính và chỉ số thành phần của tỉnh Ninh Bình năm 2022 cho thấy, việc thực hiện chuyển đổi số của tỉnh đã đạt được một số kết quả tích cực thể hiện qua một số chỉ số chính và nhiều CSTP đạt giá trị điểm tối đa, điểm cao. Tuy nhiên kết quả đánh giá còn chỉ rõ nhiều CSTP trong các chỉ số chính đạt giá trị điểm số ở mức thấp và rất thấp, đặc biệt còn có một số CSTP không đạt điểm, đây chính là nguyên nhân chủ yếu làm tụt giảm xếp hạng các chỉ số chính và DTI của tỉnh năm 2022. Vì vậy đặt ra yêu cầu để cải thiện, nâng cao xếp hạng chỉ số DTI tỉnh Ninh Bình trong thời gian tới cần phải tập trung, nghiêm túc, quyết liệt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để cải thiện, nâng cao giá trị, xếp hạng từng CSTP, chỉ số chính, đặc biệt là các chỉ số có giá trị điểm số thấp, rất thấp và không có điểm.

3. Phân tích, đánh giá theo các chỉ số chính/CSTP và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp cải thiện chỉ số DTI tỉnh

3.1. Nhận thức số

- Năm 2022, Chỉ số Nhận thức số đạt giá trị và thứ hạng ở mức rất cao, đạt 100/100 điểm, xếp hạng 1/63 cả nước, xếp thứ 1/11 vùng ĐBSH, trong đó: 10/10 CSTP đạt điểm tối đa 10/10 điểm.

- *Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp:* Tiếp tục quan tâm chỉ đạo, tổ chức triển khai các nhiệm vụ và giải pháp tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, kỹ năng số theo Kế hoạch đề ra. Trong đó, tập trung nâng cấp, hoàn thiện chuyên trang chuyển đổi số của tỉnh. Công thông tin điện tử tỉnh, Báo Ninh Bình, Đài PTTT tỉnh, Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương chú trọng nâng cao chất lượng tin bài trong chuyên mục chuyển đổi số; UBND các huyện thành phố chỉ đạo hệ thống truyền thanh cơ sở duy trì, đẩy mạnh thực hiện chuyên mục riêng và tăng cường thời lượng phát sóng các tin, bài về chuyển đổi số.

3.2. Thể chế số

- Năm 2022, Chỉ số thể chế số đạt giá trị và thứ hạng ở mức cao, đạt 90/100 điểm, xếp hạng 1/63 cả nước, xếp thứ 1/11 vùng ĐBSH, trong đó: 9/10 CSTP đạt điểm tối đa 10/10 điểm và 01 CSTP chưa đạt điểm.

- *CSTP 2.9: Ban hành chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số* chưa đạt điểm và nguyên nhân: Tỉnh Ninh Bình chưa ban hành chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số. Trách nhiệm thuộc về Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ, Sở Tài chính.

- *Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp:* Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục phát huy, thực hiện tốt vai trò cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, kịp thời tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn để các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ về phát triển chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo ANTT mạng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số, Bộ Thông tin và Truyền thông...

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và cơ quan liên quan tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số.

3.3. Hạ tầng số

- Năm 2022, chỉ số Hạ tầng số tỉnh Ninh Bình tiếp tục duy trì ở mức Khá, tăng trưởng cả về giá trị điểm số và xếp hạng so với năm 2021, đạt 70,37/100 điểm, xếp hạng 14/63 cả nước, xếp thứ 03/11 vùng ĐBSH. Gồm 07 CSTP, trong đó: Có 01 CSTP 3.4 đạt điểm tối đa; Có 04 CSTP đạt điểm ở mức Khá, từ 6,92 đến 9,62/10 điểm (*CSTP 3.1; CSTP 3.2; CSTP 3.3; CSTP 3.6*). Nhóm các chỉ số này cần tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo duy trì triển khai thực hiện các nhiệm vụ giải pháp theo Kế hoạch.

- Có 02/7 CSTP đạt điểm ở mức Trung bình, nguyên nhân:

+ *CSTP 3.5: Trung tâm dữ liệu sử dụng công nghệ điện toán đám mây đạt 15/30đ*. Nguyên nhân, trong năm 2022, Bộ TT&TT mới hoàn thành thử nghiệm kết nối nền tảng điện toán đám mây Chính phủ với Bộ, ngành, địa phương và chưa cho hướng dẫn kết nối chính thức; Ninh Bình là địa phương đang triển khai dự án xây dựng Trung tâm dữ liệu theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây, ngày 26/7/2023 HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 77/NQ-HĐND phê duyệt Dự án xây dựng nền tảng điện toán đám mây của tỉnh, thời gian triển khai 2023-2025.

+ *CSTP 3.7: Mức độ ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng số đạt giá trị 5/10đ*. Nguyên nhân, do dữ liệu và quy trình chưa được chuẩn hóa nên việc ứng dụng AI trong các nền tảng, ứng dụng số đang khai thác, vận hành còn rất hạn chế.

- *Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp*: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan:

+ Thực hiện kết nối với nền tảng điện toán đám mây Chính phủ ngay sau khi có Văn bản hướng dẫn của Bộ TT&TT; tập trung đẩy nhanh tiến độ Dự án xây dựng nền tảng điện toán đám mây của tỉnh Ninh Bình đảm bảo đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu đề ra; tổ chức các Hội thảo về ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình. Qua đó, xác định được cụ thể các mục tiêu, xác định các bài toán ứng dụng AI ở các lĩnh vực, các nền tảng số ưu tiên ứng dụng AI.

+ Tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án được phê duyệt triển khai thực hiện trong năm 2023 về phát triển hạ tầng tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh; xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin trọng yếu, dùng chung của tỉnh đáp ứng các yêu cầu về lưu trữ dữ liệu tập trung, liên thông giải quyết TTHC và các nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh.

3.4. Nhân lực số

- Năm 2022, chỉ số Nhân lực số tỉnh Ninh Bình ở mức rất thấp, giảm cả về giá trị điểm số và xếp hạng so với năm 2021, đạt 70,37/100 điểm, xếp hạng 52/63 cả nước, xếp thứ 10/11 vùng ĐBSH. Gồm 13 CSTP, trong đó: Có 5 CSTP đạt điểm tối đa 10/10 điểm (*CSTP 401; 4.2; 4.3; 4.4; 4.13*); Có 8 CSTP đạt giá trị điểm ở mức Thấp đến rất thấp.

- Các CSTP đạt giá trị điểm số thấp, rất thấp, nguyên nhân:

+ *CSTP 4.5: Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số đạt 0,46/10đ; CSTP 4.6: Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng đạt 0,58/10đ.* Nguyên nhân, các cơ quan, đơn vị đều đã bố trí ít nhất 01 cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyên đổi số. Tuy nhiên, tỷ lệ công chức, viên chức kiêm nhiệm về chuyên đổi số so với tổng số cán bộ công chức, viên chức của tỉnh là rất thấp. Do đó giá trị điểm đạt được tương đối thấp. Ngoài ra, nguồn nhân lực phụ trách An toàn thông tin mạng tại các cơ quan, đơn vị còn thiếu, hạn chế, chủ yếu thực hiện theo phương thức kiêm nhiệm, trình độ năng lực chưa đáp ứng yêu cầu.

+ *CSTP 4.7: Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số đạt 0,63/10đ.* Tỉnh đã tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên đổi số cho đội ngũ chuyên trách và đội ngũ cốt cán ở các đơn vị, tuy nhiên chưa có điều kiện để tổ chức các lớp cho toàn bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó các cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm, chủ động trong công tác tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho công chức, viên chức đơn vị mình.

+ *CSTP 4.8: Tỷ lệ cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học, sau đại học có đào tạo về chuyển đổi số đạt 1,25/5đ; CSTP 4.9: Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về chuyển đổi số đạt 0,8/5đ.* Nguyên nhân, Trường Đại học Hoa Lư chưa mở ngành đào tạo về chuyên đổi số, các sinh viên tốt nghiệp Cao đẳng, Đại học về chuyên đổi số ít về Ninh Bình công tác.

+ *CSTP 4.10: Tỷ lệ người lao động được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số đạt 0,09/5đ; CSTP 4.11: Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng OneTouch đạt 0,11/5đ.* Nguyên nhân, trong năm Tỉnh mới tập trung đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyên đổi số đến mọi đối tượng và tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức, phổ cập các kỹ năng số cơ bản cho đội ngũ cốt cán tham gia Tổ công nghệ số cộng đồng. Việc tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho người lao động và cho toàn bộ người dân trên địa bàn tỉnh là rất khó thực hiện do nhiều yếu tố khách quan.

CSTP 4.12: Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở) đạt, 1,56/5đ. Nguyên nhân, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch chuyển đổi số trong ngành giáo dục, tuy nhiên Trường Đại học Hoa Lư và các cơ sở đào tạo cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp tổ chức triển khai thực hiện còn hạn chế, chưa hoàn thành chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).

- Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp:

+ Các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện nghiêm túc việc bố trí cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyên đổi số, an toàn thông tin mạng, ...; cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về CDS do tỉnh tổ chức, đồng thời hàng năm chủ động tổ chức các chương trình tập huấn, bồi dưỡng về CDS tại đơn vị, địa phương (ngoài các chương trình chung của tỉnh) để đảm bảo chỉ tiêu cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên đổi số.

+ Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch hoặc tham mưu UBND tỉnh kế hoạch thúc đẩy tăng tỷ lệ các cơ sở đào tạo cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).

+ UBND các huyện, thành phố chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Tỉnh Đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng; cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đầy đủ các chương trình tập huấn trực tuyến trên cổng đào tạo <https://onetouch.mic.gov.vn/> theo các chương trình đã được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt và tổ chức; xây dựng kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số trên các nền tảng trực tuyến cho người lao động và người dân trên địa bàn đảm bảo phù hợp, hiệu quả.

+ Trường Đại học Hoa Lư xem xét tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, giáo viên tại các cơ sở giáo dục và công chức, viên chức các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3.5. An toàn thông tin mạng

- Năm 2022, chỉ số An toàn thông tin mạng tỉnh Ninh Bình ở mức thấp, tăng giá trị điểm số nhưng giảm khá mạnh về thứ hạng so với năm 2, đạt 50,83/100 điểm, xếp hạng 30/63 cả nước, xếp thứ 5/11 vùng ĐBSH. Gồm 12 CSTP, trong đó: có 5/12 CSTP đạt giá trị điểm tối đa; 6/12 CSTP đạt giá trị điểm ở mức từ trung bình đến thấp và 01 CSTP không có điểm.

- Các CSTP đạt giá trị điểm thấp, rất thấp, không có điểm, nguyên nhân:

+ *CSTP 5.1: Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ đạt 2/10đ.* Nguyên nhân, tại thời điểm thẩm định, đánh giá số lượng HTTT đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ còn ít. Trách nhiệm thuộc về các cơ quan, đơn vị chủ quản HTTT và Sở Thông tin và Truyền thông.

+ *CSTP 5.3: Số lượng máy chủ của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC) đạt 4,55/10đ;* Nguyên nhân, tổng số máy chủ có kết nối chia sẻ thông tin theo văn bản 2290/BTTTT-CATTT với Trung tâm NCSC đang là 15 máy, chiếm tỷ lệ chưa được 50% so với tổng số máy chủ đang kê khai. Trách nhiệm thuộc về Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị chủ quản các máy chủ.

+ *CSTP 5.4: Số lượng máy trạm của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC) đạt 0,28/10đ;* Nguyên nhân, theo số liệu của NCSC cung cấp thì Ninh Bình chỉ có 155 máy trạm (máy tính cá nhân) có kết nối chia sẻ thông tin với Trung tâm NCSC, đạt tỷ lệ rất thấp. Trách nhiệm thuộc về các cơ quan, đơn vị và Sở Thông tin và Truyền thông.

+ *CSTP 5.7: Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đã được kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-*

BTTTT đạt 1,67/10đ. Nguyên nhân, trong năm 2022 tỉnh Ninh Bình hầu như chưa tổ chức Đoàn kiểm tra đánh giá các HTTT. Trách nhiệm thuộc về Sở TTTT.

+ **CSTP 5.9: Số lượng các cuộc diễn tập được triển khai đạt 0,33/5đ;** Nguyên nhân, trong năm 2022, tỉnh Ninh Bình tổ chức 01 cuộc diễn tập. Tuy nhiên Chỉ tiêu này tính theo phương pháp Min – Max, theo số liệu thẩm định thì đơn vị đạt điểm Max có số lượng diễn tập rất cao. Vì vậy điểm số của tỉnh ở mức thấp.

+ **CSTP 5.12: Tổng kinh phí chi cho an toàn thông tin (ATTT) đạt 7/15đ.** Nguyên nhân, hiện tại tổng kinh phí chi cho ATTT của tỉnh Ninh Bình ở mức khá so với cả nước. Tuy nhiên mới chỉ đạt 4,67% tổng chi cho ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (theo quy định $\geq 10\%$).

+ **CSTP 5.8: Số lượng các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng đạt 0/10đ.** Nguyên nhân, các cơ quan chủ quản vận hành các HTTT chưa xây dựng, phê duyệt phương án ứng cứu sự cố tấn công mạng cho HTTT, tỉnh không cung cấp được tài liệu minh chứng các phương án được phê duyệt. Trách nhiệm thuộc về Sở TTTT, các cơ quan chủ quản vận hành các HTTT, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ CNTT.

- Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp:

+ Các Sở, ngành, địa phương chủ quản các HTTT tập trung chỉ đạo rà soát, hoàn thiện hồ sơ đánh giá an toàn cấp độ hệ thống thông tin theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông; Đảm bảo 100% máy tính làm việc trong các cơ quan nhà nước ở các cơ quan, đơn vị phải cài đặt phần mềm phòng chống mã độc và được kết nối về trung tâm giám sát ATTT mạng của tỉnh và của Bộ Thông tin và Truyền thông; không để xảy ra tình trạng mất an toàn thông tin mạng và nhiễm mã độc; chỉ đạo xử lý ngay tình trạng nhiễm mã độc theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

+ Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì tham mưu UBND tỉnh thực hiện đầy đủ các bước, giải pháp trong việc giám sát ATTT mạng các hệ thống thông tin của tỉnh như đảm bảo ATTT 04 lớp, kiểm tra, đánh giá HTTT hàng năm, kết nối báo cáo với hệ thống giám sát ATTT mạng Quốc gia, theo dõi, giám sát ATTT ở các cơ quan, đơn vị, địa phương,...; nâng cao chất lượng đội ứng cứu ATTT mạng của tỉnh; bố trí ngân sách thực hiện công tác đảm bảo ATTT mạng đảm theo đúng hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; xác định, phân loại và phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ của 100% các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý.

+ Sở Thông tin và Truyền thông chỉ trì kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ cho 100% hệ thống thông tin đang vận hành trước ngày 30/9/2023 theo Công văn số 652/BTTTT-CATTTT ngày 28/02/2023.

3.6. Hoạt động chính quyền số:

Chỉ số hoạt động chính quyền số tăng cả về giá trị và thứ hạng so với năm 2021, là điểm sáng của chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình trong năm 2022, xếp hạng 7/63 cả nước, xếp thứ 2/11 vùng ĐBSH (sau Quảng Ninh), trong đó có 12/22

CSTP đạt giá trị điểm tối đa; Có 04/22 CSTP đạt giá trị điểm số ở mức cao; 04/22 CSTP đạt giá trị điểm số ở mức Trung bình – thấp và 02 CSTP không đạt điểm

- Các CSTP bị trừ điểm và nguyên nhân:

+ CSTP 6.7: *Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại Tỉnh, thành phố đạt 5,33/10đ.* Nguyên nhân, theo đánh giá trực tiếp của Cục Chuyển đổi số tỷ lệ dịch vụ số có trên Nền tảng NDXP được đưa vào sử dụng ở tỉnh chiếm tỷ lệ ở mức trung bình so với cả nước, vì vậy giá trị điểm số đạt được không cao. Đến hết năm không 2023, dự án đầu tư nâng cấp nền tảng LGSP của tỉnh hoàn thành, nhiều dịch vụ sẽ được cung cấp và kết nối.

+ CSTP 6.19: *Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp đạt 5/10đ; CSTP 6.20: Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức đạt 5/10đ;* Nguyên nhân, năm 2021 chưa triển khai. Năm 2022, tiến hành triển khai thí điểm nền tảng trợ lý ảo trả lời tự động Callbot, Chatbot phục vụ người dân, doanh nghiệp, công chức, viên chức tham gia thực hiện TTHC tuy nhiên kết quả đạt được còn hạn chế, điểm đạt được mới ở mức trung bình.

+ CSTP 6.21: *Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của chính quyền số đạt 2/10đ.* Nguyên nhân, Chưa ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong các nền tảng số, các ứng dụng dùng chung phục vụ hoạt động của chính quyền số; ứng dụng AI trong các hoạt động nghiệp vụ quản lý nhà nước để phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, phục vụ quản lý, ra quyết định hầu như chưa được triển khai.

+ CSTP 6.10: *Tỷ lệ DVCTT được cá thể hóa đạt 0/10đ,* Nguyên nhân, dịch vụ công trực tuyến được cá thể hóa: (cá thể hóa cách tiếp cận dịch vụ, cá thể hóa thực hiện dịch vụ, cá thể hóa về trả kết quả dịch vụ) là tính năng mới vì vậy, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đang trong quá trình bổ sung, nâng cấp, hoàn thiện nên tạm thời chưa đáp ứng yêu cầu về cá thể hóa dịch vụ công.

+ CSTP 6.16: *Triển khai nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn Tỉnh, thành phố phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước đạt 0/10đ.* Nguyên nhân, tỉnh mới triển khai thử nghiệm nền tảng quản trị tổng thể trên cơ sở tích hợp các ứng dụng, nền tảng dùng chung hiện có, tuy nhiên kết quả đánh giá thử nghiệm chưa đạt yêu cầu, để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp, Sở TTTT tham mưu UBND tỉnh xin được tiếp tục triển khai thử nghiệm.

- Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp:

+ Tiếp tục duy trì, phát huy các nhóm nhiệm vụ, giải pháp đã và đang triển khai để đảm bảo năm 2023 và các năm tiếp theo tiếp tục đạt giá trị điểm tối đa về các CSTP liên quan đến *tỷ lệ DVC phát sinh hồ sơ trực tuyến; Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến; Mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng DVCTT; tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số.*

+ Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và cơ quan liên quan: Tập trung triển khai các dịch vụ số có trên Nền tảng

NDXP vào sử dụng ở tỉnh khi các Bộ, ngành có yêu cầu phối hợp; khẩn trương hoàn thành thử nghiệm Nền tảng quản trị tổng thể, tham mưu đề xuất UBND tỉnh giải pháp triển khai, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp, công chức, viên chức trong thực hiện hiện TTHC và hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong các nền tảng số, các ứng dụng dùng chung phục vụ hoạt động của chính quyền số.

+ Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố: Triệt để khai thác, sử dụng các Hệ thống thông tin, phần mềm, nền tảng số dùng chung của tỉnh, đảm bảo hiệu quả, tạo thói quen làm việc, quản trị, điều hành trên môi trường số tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình; Đẩy mạnh tạo lập, số hóa, chuẩn hóa dữ liệu chuyên ngành tại các cơ quan, đơn vị đảm bảo tính sẵn sàng tích hợp, chia sẻ để sử dụng dữ liệu theo quy định.

+ Văn phòng UBND tỉnh nghiên cứu giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, như: Tổng đài chatbot, nhận diện khuôn mặt, vân tay

3.7. Hoạt động kinh tế số

Chỉ số hoạt động kinh tế số tỉnh Ninh Bình ở mức rất thấp, giảm 18 bậc so với năm 2021. Năm 2022 xếp hạng 53/63 cả nước, xếp thứ 11/11 vùng ĐBSH, gồm 12 Chỉ số thành phần, trong đó: Có 02 CSTP đạt giá trị điểm tối đa (CSTP 7.4, CSTP 7.8); Có 03 CSTP đạt giá trị điểm ở mức Trung bình, Khá (CSTP 7.1, CSTP 7.5, CSTP 7.7). Có 06 CSTP đạt giá trị điểm ở **mức thấp, đến rất thấp** (CSTP 7.2, CSTP 7.3, CSTP 7.6, CSTP 7.9, CSTP 7.10, CSTP 7.11) và Có 01 CSTP không đạt điểm là *CSTP 7.12: Tổng kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số*.

- Các CSTP bị trừ điểm, không đạt điểm và nguyên nhân:

+ *CSTP 7.2: Số doanh nghiệp công nghệ số (Số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông – CNTT) đạt 6,76/20đ*; *CSTP 7.3: Số lượng doanh nghiệp nền tảng số đạt 1,56/10đ*. Nguyên nhân, doanh nghiệp công nghệ số, nền tảng số (theo quy định của Bộ TTTT) trên địa bàn tỉnh chiếm số lượng nhỏ, tỷ lệ doanh nghiệp số trên tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thấp.

+ *CSTP 7.6: Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 1,56/10đ*; Nguyên nhân, đây là chỉ tiêu còn khá mới. Ngày 24/02/2022, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 206/QĐ-BTC về triển khai áp dụng hóa đơn điện tử tại 57 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, công tác tuyên truyền phổ biến và mức độ quan tâm của các doanh nghiệp còn hạn chế.

+ *CSTP 7.9: Số lượng giao dịch trên sàn thương mại điện tử Vô sò và Postmart đạt 1,65/10đ*. Nguyên nhân, công tác tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn của các cơ quan, đơn vị còn hạn chế, người dân vẫn chưa có thói quen thực hiện, tham gia giao dịch điện tử.

+ *CSTP 7.10: Số lượng tên miền .vn đạt 1.65/10đ.* Nguyên nhân, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa và các hộ kinh doanh, ... nên tỷ lệ đăng ký tên miền .vn còn thấp.

+ *CSTP 7.11: Tổng kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số đạt 0,09/10đ; CSTP 7.12: Tổng kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số đạt 0/10đ.* Nguyên nhân, chưa có căn cứ cụ thể để xác định tổng kinh phí đầu tư từ nguồn NSNN cho kinh tế số, Sở Tài chính có Văn bản số 350/STC-HCSN tổng hợp số liệu về chi thường xuyên cho chuyển đổi số năm 2022, trong đó bố trí cho kinh tế số là: 438 triệu, chiếm tỷ trọng rất thấp so với các tỉnh khác theo cách tính Min – Max.

- *Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp:*

+ Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục xây dựng, triển khai các chương trình hỗ trợ thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số; ứng dụng thương mại điện tử, công nghệ số; chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông nâng cấp mạng 4G, đẩy nhanh tiến độ phát triển mạng 5G, đảm bảo các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh được tiếp cận với internet tốc độ cao; phát triển hạ tầng số đồng bộ phục vụ cho hoạt động thương mại điện tử, đặc biệt là hệ thống thanh toán điện tử, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong môi trường số.

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức khảo sát lập danh sách các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh có nhu cầu cần được giúp đỡ, hỗ trợ thúc đẩy chuyển đổi số (tập huấn, đào tạo nâng cao nhận thức, kỹ năng số; ứng dụng nền tảng, công nghệ số; phát triển hạ tầng số...).

+ Sở Công Thương chủ trì, phối hợp cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các nhóm giải pháp: Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan các quy định pháp luật về thương mại điện tử; tăng cường hoạt động quản lý, giám sát hàng hóa trên môi trường mạng, nhằm tạo niềm tin cho người tiêu dùng trong hoạt động mua sắm trực tuyến, thúc đẩy thương mại điện tử phát triển; hỗ trợ người dân, tổ chức, doanh nghiệp bán các sản phẩm thông qua sàn thương mại điện tử make in Vietnam (Voso-Viettel Post, Postmart-Vnpost...).

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh để bố trí ngân sách đảm bảo mục chi cho kinh tế số, xã hội số, đồng thời thể hiện rõ tại mục chi cụ thể cho kinh tế số.

3.8. Hoạt động xã hội số

- Chỉ số hoạt động xã hội số tỉnh Ninh Bình ở mức thấp, giảm 32 bậc so với năm 2021. Năm 2022, xếp hạng 44/63 cả nước, xếp thứ 10/11 vùng ĐBSH, gồm 08 Chỉ số thành phần, trong đó: Có 01 CSTP đạt giá trị điểm tối đa (*CSTP 8.2*); Có 01 CSTP đạt giá trị điểm ở mức Trung bình (*CSTP 8.5 đạt 5,21/10đ*); Có 05 CSTP đạt giá trị điểm ở mức Thấp, đến Rất thấp: (*CSTP 8.1 đạt 3,95/20đ*; *CSTP 8.3 đạt 0,39/20đ*; *CSTP 8.6 đạt 0,15/20đ*; *CSTP 8.7 đạt 0,21/20đ đạt 7,82/20đ*) và Có 01 CSTP không có điểm do Bộ TT&TT không đánh giá cho các địa phương

trên toàn quốc là *CSTP 8.4: Số lượng hộ gia đình có địa chỉ số (trên tổng số hộ gia đình)*.

- Các CSTP bị trừ điểm, không đạt điểm, nguyên nhân:

+ *CSTP 8.5: Số lượng người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông đạt 5,21/10đ; CSTP 8.1: Số lượng người dân có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử đạt 3,95/20đ; CSTP 8.3: Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt 0,39/20đ. Nguyên nhân*, kỹ năng số của người dân còn chưa cao và tập trung chủ yếu ở giới trẻ; các hình thức tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho người dân được triển khai chưa thực sự đạt hiệu quả, số lượng người trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân còn ít.

+ *CSTP 8.6: Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số đạt 0,15/20đ; CSTP 8.7: Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số đạt 0,21/20đ.* Nguyên nhân, chưa có căn cứ cụ thể để xác định tổng kinh phí đầu tư từ nguồn NSNN cho kinh tế số, Sở Tài chính có Văn bản số 350/STC-HCSN tổng hợp số liệu về chi thường xuyên cho chuyển đổi số năm 2022, trong đó bố trí cho xã hội số là: 4.392 triệu đồng (*vốn thường xuyên là 1.792 triệu đồng; vốn đầu tư là 2.600 đồng*), chiếm tỷ trọng rất thấp so với các tỉnh khác theo cách tính Min – Max.

+ *CSTP 8.8: Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền đạt 7,82/20đ.* Nguyên nhân, đã triển khai các kênh tương tác giữa chính quyền và người dân trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và các nền tảng liên lạc (Zalo, Messenger...). Tuy nhiên, số lượng phản ánh được tiếp nhận và xử lý đúng hạn còn hạn chế và không có tài liệu kiểm chứng thuyết phục.

+ *Chỉ số không có điểm, CSTP 8.4: Số lượng hộ gia đình có địa chỉ số (trên tổng số hộ gia đình).* Nguyên nhân, do có các thay đổi mang yếu tố khách quan về Bộ Thông tin và Truyền thông tạm thời không tính điểm CSTP này đối với tất cả các tỉnh/TP trên cả nước trong năm 2022.

- *Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp:*

+ Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố khẩn trương triển khai các giải pháp tạo sự thuận lợi cho người dân tham gia tương tác với cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương trên Cổng/Trang Thông tin điện tử, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và các nền tảng liên lạc (Zalo, Messenger...), nâng cao trách nhiệm trong việc xử lý các vấn đề phản ánh, góp ý, thắc mắc của người dân đảm bảo chất lượng, kịp thời tạo niềm tin cho người dân tham gia xây dựng chính quyền và giải quyết các vấn đề của địa phương trên nền tảng số, không gian mạng.

+ Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Trung tâm chứng thực điện tử quốc gia (NEAC) và cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các giải pháp đưa chữ ký số công cộng đến gần với người dân hơn, để người dân hiểu và sử dụng chữ ký số nhiều hơn. Từ đó, tạo bước đột phá trong việc hỗ trợ, thúc đẩy người dân,

doanh nghiệp thực hiện THHC và tham gia các giao dịch, dịch vụ trên môi trường điện tử.

+ UBND các huyện, thành phố chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ triển khai quyết liệt các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng theo hướng “đi từng ngõ, gõ từng nhà” hướng dẫn từng người dân đăng ký, mở Tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; Tài khoản mã định danh điện tử (VneID); Thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ công thiết yếu; Thanh toán không dùng tiền mặt; Mua bán, tiếp thị trên sàn thương mại điện tử Việt nam như Vò Sò, PostMart...; kỹ năng tương tác với chính quyền trên các nền tảng số và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin mạng cơ bản.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh để bố trí ngân sách đảm bảo chi, đồng thời thể hiện rõ danh mục chi cụ thể cho kinh tế số, xã hội số.

III. MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHỈ SỐ DTI TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Mục tiêu

Cải thiện, nâng cao giá trị điểm số, thứ hạng các chỉ số chính và chỉ số chỉ số DTI tỉnh Ninh Bình như sau:

1.1. Mục tiêu xếp hạng Chỉ số DTI và các chỉ số chính năm 2023 - 2025

STT	Chỉ số	Xếp hạng 2021	Xếp hạng 2022	Mục tiêu 2023	Đến năm 2025
*	Chỉ số DTI	6	21	10-15	≤ 10
1	- Nhận thức số	3	1	1-5	≤ 5
2	- Thẻ chế số	10	1	1-5	≤ 5
3	- Hạ tầng số	18	14	10-15	≤ 10
4	- <i>Nhân lực số</i>	4	52	15-20	≤ 15
5	- <i>An toàn thông tin</i>	23	30	15-20	≤ 15
6	- Hoạt động chính quyền số	15	7	5-10	≤ 10
7	- <i>Hoạt động kinh tế số</i>	35	53	15-20	≤ 15
8	- <i>Hoạt động xã hội số</i>	12	44	15-20	≤ 15

1.2. Mục tiêu giá trị điểm số các chỉ số thành phần (CSTP) năm 2023 - 2025

- Tiếp tục duy trì giá trị điểm số đối với các CSTP đạt điểm tối đa năm 2022.

- Phần đầu đạt giá trị điểm tối đa đối với các CSTP đã đạt điểm cao trong năm 2022.

- Phần đầu đạt giá trị điểm ở mức Khá đối với các CSTP đã đạt giá trị điểm số ở mức Trung bình trong năm 2022.

- Phần đầu đạt giá trị điểm ở mức Trung bình đến Khá đối với các CSTP đã đạt giá trị điểm số ở mức thấp, rất thấp trong năm 2022.

- Phần đầu đạt giá trị điểm số ở mức Trung bình đối với các CSTP chưa có điểm trong năm 2022.

2. Kiến nghị, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp cải thiện, nâng cao xếp hạng chỉ số DTI tỉnh Ninh Bình

2.1. Các Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố

- Tập trung chỉ đạo kiểm tra, rà soát, tổ chức triển khai thực hiện và đảm bảo hoàn thành đúng lộ trình các chỉ tiêu, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 12/7/2021 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 29/3/2022 về triển khai thực hiện Quyết định số 146/QĐ-TT ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 24/6/2022 về Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và Kế hoạch Phát triển chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Ninh Bình hàng năm.

- Tổ chức nghiên cứu, phổ biến quán triệt Báo cáo phân tích, đánh giá kết quả xếp hạng Chỉ số DTI của tỉnh, Báo cáo công bố kết quả xếp hạng mức độ chuyển đổi số các cơ quan nhà nước tỉnh Ninh Bình năm 2022. Theo chức năng và nhiệm vụ được giao, triển khai thực hiện các giải pháp khắc phục, cải thiện các chỉ số chính, chỉ số thành phần của DTI có liên quan và cải thiện xếp hạng mức độ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị. Trong đó đặc biệt chú trọng cải thiện, nâng cao các Chỉ số thành phần (CSTP) có giá trị điểm số thấp, rất thấp và chưa có điểm thuộc 4 nhóm chỉ số chính: Nhân lực số, An toàn thông tin mạng, Kinh tế số, xã hội số.

- *UBND các huyện, thành phố*: Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tập trung triển khai quyết liệt các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng để giúp người dân nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng số và thúc đẩy hoạt động kinh tế số, xã hội số ở địa phương; tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân trên địa bàn đảm bảo phù hợp, hiệu quả. Trong đó chú trọng hình thức tập huấn, bồi dưỡng trực tuyến trên cổng đào tạo <https://onetouch.mic.gov.vn/> theo chương trình đã được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt.

2.2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì đôn đốc, kiểm tra, hướng các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện và hoàn thành đúng lộ trình các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 12/7/2021; Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 29/3/2022; Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 24/6/2022 và Kế hoạch phát triển chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng hàng năm.

- Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh chỉ đạo triển khai các giải pháp đồng bộ, hiệu quả để cải thiện, nâng cao đối với từng chỉ số chính đổi của DTI cấp tỉnh trong năm 2023 và các năm tiếp theo. Trong đó tập trung nâng cao giá trị, xếp hạng các chỉ số chính: hoạt động kinh tế số, hoạt động xã hội số, nhân lực số, đảm bảo an toàn thông tin mạng; cải thiện, nâng cao các CSTP có kết quả hạn chế và chưa có điểm thuộc các chỉ số chính.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh căn cứ nội dung Báo cáo phân tích, đánh giá kết quả xếp hạng Chỉ số DTI của tỉnh năm 2022, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai các giải pháp cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần có kết quả hạn chế trong năm 2022, đặc biệt là các chỉ số thành phần có giá trị điểm số ở mức rất thấp hoặc chưa có điểm thuộc 4 nhóm chỉ số chính: Nhân lực số, An toàn thông tin mạng, Kinh tế số, xã hội số.

2.3. Công an tỉnh

Tiếp tục phát huy vai trò cơ quan Thường trực Tổ công tác Đề án 06 của tỉnh; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổ chức thực hiện đảm bảo thiết thực, hiệu quả và hoàn thành đúng tiến độ các Mô hình của Đề án 06 tại Kế hoạch phối hợp số 107/KHPH-TCTDDA06/CPTW-UBND TỈNH NB ngày 02/8/2023 giữa UBND tỉnh và Tổ công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ.

2.4. Văn phòng UBND tỉnh

- Tiếp tục duy trì, khai thác vận hành đảm bảo an toàn, hiệu quả Trung tâm Giám sát điều hành thông minh (IOC) của tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống Hộp không giấy tờ (E-Cabinet).

- Tập trung triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã. Trong đó chú trọng đảm bảo thực hiện và hoàn thành các mục tiêu, yêu cầu về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

2.5. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Ninh Bình, Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng các bài viết, tin tức, phóng sự tại chuyên mục về chuyển đổi số của tỉnh, định kỳ phát hành hàng tuần, hàng tháng.

2.6. Trường Đại học Hoa Lư, các trường Cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh

- Thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của nhà trường (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở), đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu theo Kế hoạch chuyển đổi số ngành giáo dục của tỉnh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Trường Đại học Hoa Lư xem xét mở các chuyên ngành, chuyên đề đào tạo về chuyển đổi số./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các thành viên BCĐ Chuyển đổi số tỉnh;
- Các thành viên Tổ công tác giúp việc BCĐ;
- Lưu: VT, BCĐ.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**GIÁM ĐỐC SỞ TTTT
Đoàn Thanh Hải**